TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 21 - 6 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn giữa
ông S và bà K.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Quang Vinh

Bà Võ Thị Kim Sinh

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 104/2018/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐXX-ST ngày 31 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Hồng S, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.
Bị đơn: Bà Lê Thị K, sinh năm 1984
Địa chỉ: ấp C, xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.
(Ông S có mặt, bà K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03 tháng 5 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phan Hồng S trình bày:

Ông và bà K chung sống với nhau từ năm 2003, không có đăng ký kết hôn, hôn nhân do hai bên tự tìm hiểu. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Ông và bà K không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay. Ông thấy vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu ly hôn với bà K.

Về con chung: Ông và bà K không có con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo biên bản hòa giải ngày 31 tháng 5 năm 2018 bà Lê Thị K là bị đơn trình bày:

Thời gian, điều kiện kết hôn, cũng như diễn biến quá trình chung sống đúng như lời ông S trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hợp. Bà và ông S không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2018 cho đến nay. Nay ông S yêu cầu ly hôn bà đồng ý ly hôn.

Về con chung: Bà và ông S không có con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Phan Hồng S khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Lê Thị K. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bà Lê Thị K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà K.

[3] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Thấy rằng, quan hệ hôn nhân giữa ông S với bà K được xác lập từ năm 2003 nhưng cho đến nay không đăng ký kết hôn, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã L, huyện Châu Thành, tỉnh Long An và Ủy ban nhân dân xã A, huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Đây là hôn nhân không hợp pháp nên không được pháp luật công nhận quan hệ vợ chồng.

Tại phiên tòa, ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn bà K, trong quá trình giải quyết vụ án bà K cũng đồng ý ly hôn nhưng xét thấy cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông S và bà K là có căn cứ theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung: Ông S và bà K không có con chung.

Về chia tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Ông S là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 14, 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Phan Hồng S và bà Lê Thị K.

2. Về án phí: Ông Phan Hồng S phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0002224 ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Toà án tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh